

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 23 năm 2023 của Trường Đại học Thủ Dầu Một

Thực hiện Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Quyết định số 1945/QĐ-ĐHTDM ngày 17/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Kế hoạch tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Khóa 23 năm 2023. Trường Đại học Thủ Dầu Một Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, nội dung thể như sau:

1. Các ngành tuyển sinh, dự kiến chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh¹

- Ngành tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: 10 ngành.
- Dự kiến 330 chỉ tiêu/10 ngành đào tạo thạc sĩ.
- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển/thi tuyển (xem Phụ lục 1).
- + Xét bảng điểm đại học có điểm trung bình tích lũy từ 6,0 trở lên (theo thang điểm 10, nếu là thang điểm khác được quy đổi tương đương), áp dụng đối với ứng viên dự tuyển tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.
- + Thi vấn đáp (phỏng vấn năng lực) đối với môn chuyên ngành. Thời gian tối đa cho 1 thí sinh là 25 phút.

2. Đối tượng dự tuyển, hình thức và thời gian đào tạo

- Đối tượng dự tuyển: Công dân Việt Nam; Công dân nước ngoài.
- Hình thức đào tạo: Chính quy.
- Thời gian đào tạo: 02 năm.
- Thời gian học: Vào các ngày thứ 7 và chủ nhật.
- Hình thức học: Trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Điều kiện dự tuyển

3.1. Đối với ứng viên dự tuyển là công dân Việt Nam

Ứng viên dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ là công dân Việt Nam, có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (xem Phụ lục 2).

Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp². Điểm trung bình tích lũy bậc đại học từ 6,0 trở

¹ Ghi chú: Đối với điều kiện bình thường Nhà trường tổ chức thi trực tiếp, trong điều kiện dịch bệnh và tình huống bất khả kháng khác Nhà trường tổ chức thi trực tuyến.

lên (Đối với ngành gân, ngành khác ứng viên cần hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức trước khi xét tuyển).

3.2. Đối với ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài

Có đủ các điều kiện về văn bằng đối với chuyên ngành đào tạo (xem Phụ lục 2). Các ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký theo học chương trình thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt Bậc 4 trở lên theo khung năng lực tiếng Việt được quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực tiếng Việt dùng cho công dân nước ngoài.

Việc xác định chuyên ngành đối với ứng viên là công dân nước ngoài sẽ đối chiếu các môn học có tên gọi giống hoặc tương đương để xác định chuyên ngành hoặc chuyên môn chuyển đổi.

3.3. Điều kiện sức khỏe

- Có đủ sức khỏe học tập.
- Đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh tùy tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành học.

3.4. Điều kiện miễn thi ngoại ngữ

- Ứng viên đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngôn ngữ nước ngoài áp dụng tại nội dung này là tiếng Anh tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật và tiếng Nga. Cụ thể, ứng viên phải thỏa mãn một trong các điều kiện về ngoại ngữ dưới đây:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình học có hơn ½ môn học được giảng dạy bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Thủ Dầu Một cấp mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định³ (xem **Phụ lục 3**) ban hành kèm theo thông báo này và còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.

- Ứng viên chưa có đủ điều kiện để miễn thi ngoại ngữ thì thực hiện thi Ngoại ngữ, do Trung tâm Ngoại Ngữ Trường Đại học Thủ Dầu Một tổ chức trước đợt xét tuyển. Môn ngoại ngữ thi bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Trong đó: Nghe, đọc, viết thời gian thi là 135 phút; Nói: Hình thức thi vấn đáp, thời gian 20 phút/người. Ứng viên được phúc khảo đối với phần thi các kỹ năng nghe, đọc, viết. Không phúc khảo đối với phần thi kỹ năng

²- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp trình độ đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao văn bằng có chứng thực.

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Thủ Dầu Một sẽ tiến hành thẩm định tính xác thực của văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ.

³ Đối với ứng viên có giấy chứng nhận tốt nghiệp trình độ đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học thì phải nộp minh chứng ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3/6 trở lên theo quy định của Nhà trường.

DANH
TRƯỜNG
ĐẠI
HỌC
THỦ
DẦU
MỘT

10

nói. Ứng viên phải đạt 50/100 môn ngoại ngữ (các phần thi nghe, nói, đọc và viết không dưới 30% thang điểm).

- Riêng ngành Ngôn ngữ Anh ngoại ngữ ứng viên đăng ký dự tuyển đầu vào là ngôn ngữ khác ngôn ngữ Anh (xem Phụ lục 3).

- Hồ sơ dự thi tuyển sinh (xem **Phụ lục 4**).

4. Nhận hồ sơ và thời gian xét tuyển

- Thời gian nhận hồ sơ và kế hoạch chi tiết xét/thi tuyển (xem **Phụ lục 5**).

- Ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển qua đường bưu điện, hoặc trực tiếp tại địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương. Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341

- Ứng viên căn cứ vào các điều kiện quy định ở trên, có nhu cầu đăng ký nộp hồ sơ dự tuyển, khi trúng tuyển không được đổi chuyên ngành đào tạo.

5. Lệ phí tuyển sinh và học phí⁴

5.1. Học phí bổ sung kiến thức và ôn tập

- Học phí bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần.

- Học phí ôn thi môn chuyên ngành: 1.250.000 đồng.

5.2. Lệ phí tuyển sinh

- Hồ sơ tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ.

- Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)

- Hình thức nộp: Chuyển khoản vào tài khoản: Đơn vị thụ hưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một - Số tài khoản: **65010000465078** tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương. Nội dung và cú pháp nộp tiền (**Phụ lục 6**).

- Ứng viên đóng tiền qua ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do Ngân hàng hoặc Kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục sau này.

5.3. Ôn và thi ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu vào

- Tổng chi phí: 1.800.000 đồng, gồm:

+ Học phí ôn tập: 1.600.000 đồng

+ Lệ phí thi: 200.000 đồng

- Hướng dẫn đăng ký và cách thức nộp học phí ôn tập, lệ phí thi (xem **Phụ lục 7**).

- Thời gian và hình thức ôn tập: (xem **Phụ lục 7**).

- Thời gian thi ngoại ngữ đầu vào: Dự kiến cả ngày 08/10/2023 (Chủ nhật).

* Lưu ý: Thí sinh chỉ đăng ký dự thi mà không tham gia lớp ôn tập nộp lệ phí thi 200.000 đồng.

⁴ Nhà trường không hoàn trả học phí bổ sung kiến thức, ôn thi và lệ phí tuyển sinh sau khi ứng viên đã đóng tiền theo quy định.

5.4. Học phí

Chi tiết học phí hệ đào tạo Sau đại học các ngành (xem **Phụ lục 8**).

6. Điều kiện xét trúng tuyển

- Ứng viên thuộc diện xét trúng tuyển phải có điểm trung bình tích lũy bậc đại học từ 6,0 trở lên, đạt tối thiểu 50% của thang điểm đối với môn chuyên ngành (môn phỏng vấn năng lực) và đạt điều kiện về ngoại ngữ.

- Nguyên tắc xét tuyển: Lấy điểm trung bình tích lũy bậc đại học và điểm môn chuyên ngành từ cao xuống đến khi kết chỉ tiêu. Trường xây dựng điểm chuẩn trúng tuyển cho từng ngành xét tuyển dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định và số lượng ứng viên nộp hồ sơ xét tuyển vào Trường.

- Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu nhưng số ứng viên cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thực hiện xét tuyển theo tiêu chí phụ, thứ tự như sau: (1) Ứng viên có công trình/sản phẩm nghiên cứu khoa học; (2) Ứng viên có điểm phỏng vấn chuyên môn cao hơn; (3) Ứng viên có thâm niên công tác nhiều năm hơn.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Trường;
- Các Cơ quan, Ban, Ngành;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường và saudaihoc;
- Lưu: VT, ĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Quốc Cường





UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỪ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1

NGÀNH TUYỂN SINH, DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Ban hành kèm theo Thông báo số 51/TB-ĐHTDM ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Dự kiến chỉ tiêu 330	Tổ hợp		Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung, Nhật)
				Xét hồ sơ và bảng điểm tích lũy trung bình bậc đại học từ 6,0 trở lên	Thi vấn đáp (phỏng vấn) môn chuyên ngành	
01	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	30	X	Phương pháp luận sử học	- Trường tổ chức đánh giá năng lực Ngôn ngữ Anh và Ngôn ngữ Trung Quốc cho ứng viên chưa đủ điều kiện. - Thời gian thi 135 phút đối với nghe, đọc, viết và vấn đáp tối đa 20 phút đối với kỹ năng nói. - Riêng ngành Ngôn ngữ Anh Nhà trường tổ chức thi đầu vào là Ngôn ngữ Trung Quốc.
02	Văn học Việt Nam	8 22 01 21	25	X	Lý luận văn học	
03	Kế toán	8 34 03 01	35	X	Nguyên lý kế toán	
04	Quản trị kinh doanh	8 34 01 01	40	X	Quản trị học	
05	Ngôn ngữ Anh	8 22 02 01	30	X	Linguistics (Kiến thức tổng hợp thuộc các lĩnh vực Semantics, Syntax, Morphology, Phonetics and Phonology).	
06	Công tác xã hội	8 76 01 01	30	X	Nhập môn công tác xã hội	
07	Khoa học môi trường	8 44 03 01	30	X	Cơ sở khoa học môi trường	
08	Hệ thống thông tin	8 48 01 04	40	X	Cơ sở tin học	
09	Tài chính ngân hàng	8 34 02 01	30	X	Lý thuyết tài chính tiền tệ	
10	Luật kinh tế	8 38 01 07	40	X	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	

Phụ lục 2

NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VỚI CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ HỌC PHẦN BỔ TÚC KIẾN THỨC⁵

(Đính kèm Thông báo số 151/TB-ĐHTDM ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Thạc sĩ ngành Lịch sử Việt Nam

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Lịch sử Việt Nam; Lịch sử (chung); Sư phạm Lịch sử; Lịch sử Thế giới; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Sử - Chính trị; Khảo cổ học; Lưu trữ học; Bảo tàng học và Di sản;	Ngành gần: Chính trị học; khoa học chính trị; Đông phương học; Việt Nam học; Dân tộc học; Nhân học; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Xây dựng Đảng; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học. Ngành khác: Văn học; Văn hóa học; Báo chí; Thư viện; Giáo dục học; Châu Á học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; nhóm ngành ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài.	Ngành gần: 1. Phương pháp luận sử học. 2. Đại cương lịch sử Thế giới. 3. Đại cương lịch sử Việt Nam. 4. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới. Ngành khác: 1. Phương pháp luận sử học. 2. Đại cương lịch sử Thế giới. 3. Đại cương lịch sử Việt Nam. 4. Việt Nam trong tiến trình lịch sử thế giới. 5. Quá trình đổi mới ở Việt Nam. 6. Truyền thống dựng nước và giữ nước trong lịch sử Việt Nam.

2. Thạc sĩ ngành Hệ thống thông tin

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Trí tuệ nhân tạo; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin;	Ngành gần: Tin học; Tin học quản lý; Sư phạm Tin; Hệ thống thông tin quản lý; Hệ thống thông tin kinh tế Kỹ thuật máy tính; Toán ứng dụng; Toán – Tin; Ngành khác: Cơ điện tử; Kỹ thuật y sinh; Vật lý; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. Và những chuyên ngành được tổ hợp từ những ngành trên.	Ngành gần: 1. Cơ sở tin học. 2. Kỹ thuật lập trình. 3. Cấu trúc dữ liệu. 4. Một số thuật toán thông minh nhân tạo. Ngành khác: 1. Cơ sở tin học. 2. Kỹ thuật lập trình. 3. Cấu trúc dữ liệu. 4. Một số thuật toán thông minh nhân tạo. 5. Toán rời rạc. 6. Phân tích trực quan dữ liệu.

⁵ Theo Quyết định số 378/QĐ-ĐHTDM ngày 22/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một.

3. Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Quản trị kinh doanh	<p>Ngành gần: Kinh tế học; Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Kinh tế đối ngoại; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Đầu tư tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; hoặc các ngành kinh tế nói chung.</p> <p>Ngành khác: Những chuyên ngành thuộc nhóm: Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; Nhân văn; Các ngành còn lại thuộc Khoa học xã hội và hành vi; Báo chí và thông tin; Các ngành còn lại thuộc Kinh doanh và quản lý; Pháp luật; Khoa học sự sống; Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Máy tính và công nghệ thông tin; Các ngành còn lại thuộc Công nghệ kỹ thuật; Kỹ thuật; Sản xuất và chế biến; Kiến trúc và xây dựng; Các ngành còn lại thuộc Nông lâm nghiệp và thủy sản; Thú y; Sức khỏe; Dịch vụ xã hội; Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân; Dịch vụ vận tải; Môi trường và bảo vệ môi trường.</p>	<p>Ngành gần: 1. Quản trị tài chính. 2. Marketing căn bản. 3. Quản trị chất lượng. 4. Quản trị học.</p> <p>Ngành khác: 1. Quản trị tài chính. 2. Marketing căn bản. 3. Quản trị chất lượng. 4. Quản trị học. 5. Kinh tế vi mô. 6. Kinh tế vĩ mô.</p>

4. Thạc sĩ ngành Công tác xã hội

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Công tác xã hội	<p>Ngành gần: Tâm lý học; Xã hội học; Nhân học; Dân tộc học; Quản lý giáo dục; Giáo dục đặc biệt; Giáo dục học; Giáo dục</p>	<p>Ngành gần: 1. Nhập môn Công tác xã hội. 2. Công tác xã hội cá nhân. 3. Công tác xã hội nhóm.</p>

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	<p>công dân.</p> <p>Ngành khác: Nhân văn: Tiếng Việt và văn hóa Tiếng Việt, Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Việt Nam học, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Trung,...), Triết học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa,...</p> <p>Khoa học xã hội và hành vi: Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và Quản lý chính quyền Nhà nước, Nhà nước, Địa lý học; Báo chí và thông tin: Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Khoa học thư viện, Thông tin học, Lưu trữ học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm; Kinh doanh và quản lý: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Tài chính-ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng; Pháp luật: Luật, Luật Kinh tế, Luật quốc tế; Sức khỏe: Y học, Y tế công cộng, Dược học, Điều dưỡng, Quản lý bệnh viện; An ninh - Quốc phòng: Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân; Hành chính học.</p>	<p>4. Tổ chức Phát triển cộng đồng.</p> <p>Ngành khác: 1. Nhập môn Công tác xã hội. 2. Công tác xã hội cá nhân. 3. Công tác xã hội nhóm. 4. Tổ chức Phát triển cộng đồng. 5. Hành vi con người và môi trường. 6. Lý thuyết công tác xã hội.</p>

5. Thạc sĩ ngành Khoa học Môi trường

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Khoa học Môi trường	<p>Ngành gần: Địa chất học; Bản đồ học; Địa lý tự nhiên kỹ thuật; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học; Kỹ thuật công nghệ môi trường; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật dầu khí; Kỹ thuật tuyển khoáng; Nông nghiệp; Khuyến nông; Khoa học đất;</p>	<p>Ngành gần: 1. Quản lý môi trường. 2. Đại cương Công nghệ môi trường. 3. Cơ sở khoa học môi trường. 4. Luật và chính sách môi trường.</p> <p>Ngành khác: 1. Quản lý môi trường. 2. Đại cương Công nghệ môi trường.</p>

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	<p>Chăn nuôi; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Kinh doanh nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn ; Lâm học; Lâm nghiệp đô thị; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Quản lý tài nguyên và môi trường; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; Quản lý đất đai;</p> <p>Ngành khác: Sinh học; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật sinh học; Sinh học ứng dụng; Vật lý học; Hoá học; Khoa học vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hoá học; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật biển; Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Công nghệ chế biến thủy sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị; Đô thị học; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước; Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Khoa học thủy sản; Khai thác thủy sản; Quản lý thủy sản; Bảo hộ lao động;</p>	<p>3. Cơ sở khoa học môi trường. 4. Luật và chính sách môi trường. 5. Biến đổi khí hậu. 6. Đánh giá tác động môi trường.</p>

6. Thạc sĩ ngành Văn học Việt Nam

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (Số tín chỉ/học phần)
<p>Sư phạm Ngữ văn; Văn học; Ngôn ngữ học ; Hán Nôm</p>	<p>Ngành gần: Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Văn hóa học; Văn hóa dân tộc; Văn hóa quần chúng; Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật; Lý luận nghệ thuật; Lý luận âm nhạc; Lý luận, lịch sử và phê bình sân khấu; Lý luận, lịch sử và phê bình điện ảnh, truyền hình; Báo chí; Truyền thông đại chúng;</p> <p>Ngành khác: Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Pháp; Ngôn ngữ</p>	<p>Ngành gần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lý luận Văn học. 2. Văn học Việt Nam trung đại. 3. Văn học Việt Nam hiện đại 1. 4. Văn học Việt Nam hiện đại 2. <p>Ngành khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Lý luận Văn học. 2. Văn học Việt Nam trung đại. 3. Văn học Việt Nam hiện đại 1.

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (Số tín chỉ/học phần)
	Nga; Ngôn ngữ Đức; Ngôn ngữ Nhật; Việt Nam học; Du lịch; Triết học; Nhân học; Đông phương học; Đông Nam Á học; Châu Á học;	4. Văn học Việt Nam hiện đại 2. 5. Văn học dân gian Việt Nam. 6. Văn học và các loại hình nghệ thuật.

7. Thạc sĩ ngành Kế toán

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
<p>Kế toán; Kế toán tài chính; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán đơn vị sự nghiệp; Kế toán công; Kế toán – Kiểm toán; Kế toán ngân hàng.</p>	<p>Ngành gần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Kinh tế học gồm: Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Kinh tế đối ngoại; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; - Nhóm ngành Kinh doanh và quản lý gồm: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; - Nhóm ngành Tài chính - Ngân hàng – Bảo hiểm gồm: Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính; Đầu tư tài chính; - Nhóm ngành Quản trị - Quản lý gồm: Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; - Nhóm ngành Quản lý công nghiệp gồm: Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; - Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh tế nói chung. <p>Ngành khác:</p> <p>Những chuyên ngành còn lại trừ các mã ngành 742, 748, 751, 758, 764, 772, 786 theo thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.</p>	<p>Ngành gần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lý kế toán. 2. Kế toán quản trị. 3. Kế toán chi phí. 4. Lý thuyết kiểm toán. <p>Ngành khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyên lý kế toán. 2. Kế toán quản trị. 3. Kế toán chi phí. 4. Lý thuyết kiểm toán. 5. Kế toán hành chính sự nghiệp. 6. Kế toán quốc tế.

8. Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Ứng viên tốt nghiệp đại học các ngành: Ngôn ngữ Anh, Ngữ văn Anh, Sư phạm tiếng Anh.	<p>Ứng viên tốt nghiệp tất cả các ngành đào tạo đại học khác và phải có năng lực tiếng Anh:</p> <p>+ Tốt nghiệp các trường đào tạo trong nước phải có điểm thi IELTS đạt từ 7.0 trở lên còn trong thời hạn 02 năm tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển.</p> <p>+ Tốt nghiệp các trường đại học nước ngoài phải được đào tạo toàn phần bằng tiếng Anh và được Bộ GD&ĐT công nhận văn bằng.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Semantics 2. Syntax 3. Morphology 4. Phonetics and phonology 5. Academic reading and writing 6. Listening and speaking strategies <p>(Dùng chung cho cả ứng viên tốt nghiệp ngành gần và ngành khác)</p>

9. Thạc sĩ ngành Tài chính ngân hàng

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Tài chính – Ngân hàng; Ngân hàng; Tài chính; Tài chính quốc tế; Tài chính doanh nghiệp; Phân tích và Đầu tư tài chính; Đầu tư; Đầu tư quốc tế; Đầu tư chứng khoán; Bảo hiểm; Tài chính- Ngân hàng- Bảo hiểm; Công nghệ tài chính.	<p>Ngành gần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành Kinh tế học gồm: Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Kinh tế đối ngoại; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số; - Nhóm ngành Kinh doanh và quản lý gồm: Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may; - Nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán gồm: Kế toán; Kiểm toán; Kế toán tài chính; Kế toán doanh nghiệp; Kế toán đơn vị sự nghiệp; Kế toán công; Kế toán ngân hàng; - Nhóm ngành Quản trị - Quản lý gồm: Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án; - Nhóm ngành Quản lý công nghiệp gồm: Quản lý công nghiệp; Kinh tế công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; - Các chuyên ngành khác thuộc khối ngành Kinh tế nói chung. 	<p>Ngành gần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tài chính tiền tệ. 2. Thị trường tài chính và các định chế tài chính. 3. Tài chính doanh nghiệp. 4. Quản trị ngân hàng thương mại. <p>Ngành khác:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tài chính tiền tệ. 2. Thị trường tài chính và các định chế tài chính. 3. Tài chính doanh nghiệp. 4. Quản trị ngân hàng thương mại. 5. Nghiệp vụ ngân hàng thương mại. 6. Marketing ngân hàng.

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	Ngành khác: Những chuyên ngành còn lại trừ các mã ngành 742, 748, 751, 758, 764, 772, 786 theo thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.	

10. Thạc sĩ ngành Luật kinh tế

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
Luật học; Luật kinh tế; Luật quốc tế; Luật thương mại quốc tế.	Ngành gần: - Kinh doanh (Quản trị kinh doanh; Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may). - Tài chính - Ngân hàng – Bảo hiểm (Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Công nghệ tài chính). - Kế toán – Kiểm toán (Kế toán; Kiểm toán). - Quản trị - Quản lý (Khoa học quản lý; Quản lý công; Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng; Quan hệ lao động; Quản lý dự án). - Kinh tế học (Kinh tế; Kinh tế chính trị; Kinh tế đầu tư; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; Thống kê kinh tế; Toán kinh tế; Kinh tế số). - Khoa học chính trị (Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế). - Xã hội học và Nhân học (Xã hội học, Nhân học). - Tâm lý học (Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục). Ngành khác: - Báo chí và Truyền thông (Báo chí học; Truyền thông đa phương tiện; Truyền thông đại chúng; Công nghệ truyền thông; Truyền thông Quốc tế; Quan hệ công chúng);	Ngành gần: 1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật. 2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh. 3. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ. 4. Pháp luật quốc tế. Ngành khác: 1. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật. 2. Pháp luật về chủ thể kinh doanh. 3. Pháp luật về thương mại hàng hóa dịch vụ. 4. Pháp luật quốc tế. 5. Những quy định chung về luật dân sự. 6. Luật Đất đai.

Ngành đào tạo trình độ đại học đúng/phù hợp (Không học bổ sung kiến thức)	Ngành đào tạo trình độ đại học gần/ngành khác (Học bổ sung kiến thức)	Các học phần bổ sung kiến thức (03 tín chỉ/học phần)
	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin; An toàn thông tin). - Kiến trúc và quy hoạch (Kiến trúc; Kiến trúc cảnh quan; Kiến trúc nội thất; Kiến trúc đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Quản lý đô thị và công trình; Thiết kế nội thất; Bảo tồn di sản kiến trúc – Đô thị; Đô thị học - Xây dựng (Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật xây dựng công trình biển; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Địa kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật tài nguyên nước; Kỹ thuật cấp thoát nước). - Quản lý xây dựng (Kinh tế xây dựng; Quản lý xây dựng). - Ngôn ngữ (Anh, Nga, Pháp, Trung quốc, Đức, Nhật, Hàn quốc); - Y học (Y khoa, Y học dự phòng, Y học cổ truyền - Quản lý y tế (Tổ chức và quản lý y tế; Quản lý bệnh viện). - Du lịch (Du lịch; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành). - Khách sạn, nhà hàng (Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống). 	



Phụ lục 3

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**
(Đính kèm Thông báo số 11/TB-ĐHTDM ngày 17 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

**1. Danh mục chứng chỉ Ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGD&ĐT ngày 30/8/2021)**

STT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 – 45	46 – 93
		TOEFL iBT	450 – 499	
		IELTS	4.0 – 5.0	5.5 – 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm : 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill. Thang điểm : 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe : 275-399 Đọc : 275-384 Nói : 120-159 Viết : 120-149	Nghe : 400-489 Đọc : 385-454 Nói : 160-179 Viết : 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF : 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF : 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ – Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

2. Danh mục các Trường đại học được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tính đến ngày 25/3/2022, tại Thông báo 297/TB-QLCL ngày 25/3/2022 của Cục Quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Trường Đại học Sư phạm Tp Chí Minh	14. Trường Đại học Văn Lang
2. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế	15. Trường Đại học Quy Nhơn
3. Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội	16. Trường Đại học Tây Nguyên
4. Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng	17. Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
5. Đại học Thái Nguyên	18. Học viện Báo chí và Tuyên truyền
6. Trường Đại học Cần Thơ	19. Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP.HCM
7. Trường Đại học Hà Nội	20. Học viện Khoa học quân sự
8. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21. Trường Đại học Thương mại
9. Trường Đại học Vinh	22. Học viện Cảnh sát nhân dân
10. Học viện An ninh nhân dân	23. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
11. Trường Đại học Sài Gòn	24. Trường Đại học kinh tế- Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
12. Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	25. Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
13. Trường Đại học Trà Vinh	Và các trường Đại học khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ bậc dùng cho Việt Nam (Tính đến thời điểm nhận hồ sơ)

3. Miễn thi ngoại ngữ theo điểm b, khoản 3, Điều 5, Thông tư số 23/2021 của BGD&ĐT

Bằng đại học chính quy TDMU; Bằng đại học liên thông TDMU trong thời hạn 2 năm; và Người học Đủ điều kiện tốt nghiệp TDMU thuộc 2 loại hình trên của TDMU (Có giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời và đáp ứng ngoại ngữ chuẩn đầu ra Bậc 3/6).

Phụ lục 4
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
(Đính kèm Thông báo số 11/TB-ĐHTDM ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Phiếu đăng ký dự thi;
 2. Lý lịch khoa học (xác nhận của cơ quan/địa phương);
 3. 02 bản sao bằng đại học/Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (công chứng);
 4. 02 bảng điểm đại học (công chứng);
 5. Phiếu khám sức khỏe (trong thời hạn 06 tháng);
 6. Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc bản sao hợp đồng làm việc (nếu có);
 7. Chứng chỉ ngoại ngữ/bằng cử nhân ngoại ngữ công chứng (nếu có);
 8. Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (công chứng);
 9. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh vào mặt sau ảnh);
 10. 02 giấy CCCD (công chứng)
- Hồ sơ đăng ký dự tuyển nộp tại: Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một, số 06 đường Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.
Điện thoại: (0274) 3835.677 – (0274) 3 844 340 – (0274) 3844 341

Ghi chú: Ứng viên thực hiện

- Nộp hồ sơ bản giấy tại Trung tâm Tuyển sinh Trường Đại học Thủ Dầu Một theo địa chỉ trên;
- Thực hiện kê khai thông tin thông qua quét mã QR code.

Mã QR code:





Phụ lục 5

KẾ HOẠCH CHI TIẾT TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Đính kèm Thông báo số 11/TB - ĐHTDM ngày 13 tháng 6 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Nội dung	Khung thời gian dự kiến
01	Nhận hồ sơ tuyển sinh	- Hồ sơ đối với thí sinh phải học bổ sung kiến thức, thi ngoại ngữ đầu vào trước 01/7/2023 (Đối tượng 1) .
		- Hồ sơ đối với thí sinh không bổ sung kiến thức, phải thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào trước ngày 10/9/2023 (Đối tượng 2) .
		- Hồ sơ đối với thí sinh không bổ sung kiến thức, được miễn thi ngoại ngữ đầu vào trước 15/10/2023 (Đối tượng 3) .
02	Bổ sung kiến thức ⁶	Từ ngày 01/7/2023 đến 09/9/2023
03	Ôn + Thi ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày 10/9 đến 08/10 (thi ngoại ngữ)
04	Ôn thi chuyên ngành	Từ ngày 14 đến 29/10/ 2023
05	Kết thúc nhận hồ sơ tuyển sinh	Ngày 15/10/2023
06	Xét hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 16/10 đến ngày 18/10/2023
07	Quyết định thí sinh đủ điều kiện dự thi	Ngày 20/10/2023
08	Báo cáo BGD&ĐT	Ngày 20/10/2023 về thời gian thi
09	Nhận giấy báo dự thi	Từ ngày 28/10 đến ngày 11/11/2023
10	Tổ chức thi	Ngày 11 và 12/11/2023
11	Thông báo kết quả	Ngày 20/11/2023
12	Quyết định trúng tuyển và nhận giấy báo nhập học	Ngày 30/11/2023
13	Khai giảng – Tổ chức học	Ngày 09/12/2023
14	Quyết định công nhận học viên	Ngày 25/12/2023

⁶ Thời gian học bổ sung kiến thức và ôn tập được tổ chức linh hoạt vào các buổi tối và các ngày thứ bảy, chủ nhật hàng tuần. Hình thức học trực tiếp kết hợp trực tuyến. Thông tin chi tiết lịch bổ sung kiến thức và ôn tập cụ thể được công bố trên website saudaihoc.

Phụ lục 6

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐÓNG TIỀN QUA TÀI KHOẢN

(Đính kèm Thông báo số 51/TB-DHTDM ngày 17 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Mức thu học phí, lệ phí xét tuyển/thi tuyển Khóa 23 năm 2023 và hình thức nộp

*** Mức thu**

Học phí bổ sung kiến thức: 1.875.000 đồng/học phần; Học phí ôn thi: 1.250.000 đồng/môn; Lệ phí hồ sơ tuyển sinh: 100.000 đồng/hồ sơ; Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 400.000 đồng/hồ sơ (xét điểm tích lũy bậc đại học và phỏng vấn năng lực chuyên môn)

*** Hình thức nộp**

Chuyển tiền vào tài khoản, đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Thủ Dầu Một- Số tài khoản: 65010000465078 tại ngân hàng BIDV, Chi nhánh Bình Dương.

2. Cú pháp nộp tiền (Chú ý: Thí sinh đóng tiền qua Ngân hàng hoặc Kho bạc, giữ lại giấy nộp tiền do ngân hàng hoặc kho bạc cung cấp để làm minh chứng cho các thủ tục này)

- Nộp tiền bổ sung kiến thức như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số điện thoại	Số tiền ⁷
BSK23	Nguyễn Văn A

- Nộp tiền ôn tập dự thi như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số điện thoại	Số tiền ⁸
OTK23	Nguyễn Văn A

- Nộp tiền lệ phí xét tuyển/thi tuyển như sau:

Mã nộp	Họ và tên	Số điện thoại	Số tiền ⁹
XTK23	Nguyễn Văn A

⁷ Số tiền = (Số học phần học bổ túc kiến thức) × (1.875.000 đồng/học phần)

⁸ Số tiền = (Số môn ôn tập) × (1.250.000 đồng/môn)

⁹ Số tiền = 500.000đ nếu không đăng ký thi ngoại ngữ; 700.000đ nếu đăng ký thi ngoại ngữ.



Phụ lục 7

ÔN VÀ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU VÀO TUYỂN SINH CAO HỌC

(Đính kèm Thông báo số 51/TB-ĐHTDM ngày 17 tháng 6 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

1. Đăng ký ôn tập và thi ngoại ngữ đầu vào:

- Thời gian đăng ký: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 09/9/2023.
- Cách thức đăng ký: Theo mẫu trong bộ Hồ sơ dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ.
- Hình thức nộp học phí, lệ phí: Chuyển khoản
- + Đối với học phí ôn tập (1.600.000 đồng):
Số tài khoản: **65010000637293** tại Ngân hàng BIDV CN Bình Dương
Tên chủ tài khoản: Trung tâm Ngoại ngữ
Nội dung nộp tiền: CH2023_Họ và tên_Số điện thoại của thí sinh
(Ví dụ: CH2023 Nguyen Van A 0909123456)
- + Đối với lệ phí thi (200.000 đồng): chuyển khoản chung với Lệ phí tuyển sinh (xem Phụ lục 6)

2. Kế hoạch ôn tập và thi ngoại ngữ đầu vào:

Stt	Nội dung	Thời gian	Ghi chú
1	Đăng ký ôn tập và thi ngoại ngữ đầu vào	Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 09/9/2023	
2	Ôn tập (70 tiết)	10/9/2023; 16/9/2023; 17/9/2023; 23/9/2023; 24/9/2023; 30/9/2023; 01/10/2023	Ôn tập vào Thứ 7 và Chủ nhật hàng tuần (sáng và chiều)
3	Thi (4 kỹ năng: nghe, đọc, viết, nói)	Dự kiến 08/10/2023	Cả ngày Chủ nhật



Phụ lục 8

HỌC PHÍ HỆ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

(Đính kèm Thông báo số 51/TB-ĐHTDM ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

Mức thu học phí đào tạo trình độ thạc sĩ áp dụng năm học 2022 – 2023¹⁰

STT	Chuyên ngành	Mã ngành	Học phí
1	Lịch sử Việt Nam	8 22 90 13	27.000.000 đồng/năm học
2	Văn học Việt Nam	8 22 01 21	27.000.000 đồng/năm học
3	Công tác xã hội	8 76 01 01	27.000.000 đồng/năm học
4	Ngôn ngữ Anh	8 22 02 01	27.000.000 đồng/năm học
5	Quản trị kinh doanh	8 34 01 01	28.125.000 đồng/năm học
6	Kế toán	8 34 03 01	28.125.000 đồng/năm học
7	Luật kinh tế	8 38 01 07	28.125.000 đồng/năm học
8	Tài chính ngân hàng	8 34 02 01	28.125.000 đồng/năm học
9	Hệ thống thông tin	8 48 01 04	32.625.000 đồng/năm học
10	Khoa học môi trường	8 44 03 01	32.625.000 đồng/năm học

¹⁰ - Theo Thông báo số 80/TB-ĐHTDM ngày 27/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một. Nhà trường thực hiện lộ trình tăng học phí theo quy định.

- Nhà trường không hoàn trả học phí và lệ phí khi học viên trúng tuyển đã đóng tiền theo quy định.